

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Mã đề: 0818

PHẦN I: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Quá trình chuẩn bị cho cách mạng giải phóng dân tộc trong những năm 1941 – 1945, thực tiễn cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) và thực tiễn cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) của Việt Nam không có điểm tương đồng nào sau đây?

- A. Phát triển lực lượng chính trị làm cơ sở để xây dựng lực lượng vũ trang.
- B. Đảng có sự điều chỉnh, bổ sung và phát triển đường lối chiến lược cách mạng.
- C. Có mặt trận dân tộc thống nhất thực hiện chức năng của một chính quyền.
- D. Kết hợp nhiệm vụ dân tộc và nhiệm vụ dân chủ để thực hiện mục tiêu trực tiếp.

Cho đoạn tư liệu, trả lời các câu 2, 3, 4:

“[...] Mang trong mình bản sắc của dân tộc, bất bình trước cảnh nô lệ lầm than của nhân dân ta, người thanh niên yêu nước và tiên tiến Hồ Chí Minh với khát vọng dân tộc nóng bỏng chỉ có một mong muốn duy nhất là làm sao cho dân tộc được độc lập, đồng bào được tự do đã quyết định chọn con đường cách mạng vô sản, con đường giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người một cách triệt để.

[...] Độc lập, tự do là một động lực, là mục tiêu lý tưởng, là lẽ sống của Hồ Chí Minh – người yêu nước – cộng sản Việt Nam”.

(Lê Mậu Hãn, *Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr.349-350)

Câu 2. Nội dung nào sau đây khái quát đúng về hành trình thực hiện khát vọng độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội cho dân tộc Việt Nam trong cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh?

- A. Từ tìm đường, mở đường đến trực tiếp lãnh đạo dân tộc hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước.
- B. Từ tìm đường đến xây dựng Cương lĩnh chính trị (1930) nhằm thực hiện từng bước cuộc cách mạng vô sản.
- C. Từ tìm đường, mở đường đến dẫn đường cho dân tộc giải phóng, xây dựng và bảo vệ chế độ dân chủ.
- D. Từ tìm đường, mở đường đến lãnh đạo dân tộc giải phóng, xây dựng hoàn chỉnh lý luận về chủ nghĩa xã hội.

Câu 3. Theo đoạn tư liệu, Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đã chọn con đường cứu nước theo khuynh hướng

- A. phong kiến.
- B. cách mạng vô sản.
- C. dân chủ tư sản.
- D. cải cách.

Câu 4. Nội dung nào sau đây là yếu tố tác động đến quyết định lựa chọn con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc vào năm 1920?

- A. Chế độ phong kiến Việt Nam bắt đầu khủng hoảng, suy yếu.
- B. Văn thân, sĩ phu đã ngừng hẳn các hoạt động cứu nước.
- C. Nhân dân Việt Nam bước đầu giành được quyền tự chủ.
- D. Đất nước mất độc lập, nhân dân chịu cảnh nô lệ lầm than.

Câu 5. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Đảng có sự chuẩn bị chu đáo về đường lối và lực lượng.
- B. Phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện.
- C. Có sự kết hợp giữa tổng tiến công và nổi dậy của quần chúng.
- D. Có sự ủng hộ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 6. Năm 1967, quốc gia nào sau đây tham gia sáng lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á?

- A. In-đô-nê-xi-a.
- B. Nhật Bản.
- C. Ấn Độ.
- D. Mông Cổ.

Câu 7. Đối với quốc tế, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) của nhân dân Việt Nam có ý nghĩa lịch sử nào sau đây?

- A. Mở ra kỉ nguyên hòa bình, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.
- B. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.
- C. Đánh dấu sự sụp đổ của chế độ phong kiến Việt Nam.
- D. Hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc trong cả nước.

Câu 8. Tổ chức nào sau đây được thành lập (1945) với mục tiêu thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới?

- A. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương.
- B. Hội đồng tương trợ kinh tế.
- C. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.
- D. Liên hợp quốc.

Câu 9. Nhà Lý thực hiện kế sách “*Tiên phát chế nhân*” trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nào sau đây?

- A. Quân Thanh.
- B. Quân Tống.
- C. Quân Xiêm.
- D. Quân Anh.

Câu 10. Trong việc thực thi chủ quyền trên Biển Đông, năm 1982, Chính phủ Việt Nam quyết định

- A. gia nhập tổ chức Liên hợp quốc.
- B. gia nhập Cộng đồng ASEAN.
- C. thành lập huyện đảo Trường Sa.
- D. mở chiến dịch Đường 14 – Phước Long.

Câu 11. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay)?

- A. Từng bước kiểm chế và đi đến giải quyết triệt để tình trạng lạm phát.
- B. Mở rộng phạm vi, lĩnh vực nhưng không thay đổi mức độ hội nhập.
- C. Đảng linh hoạt trong giải quyết mối quan hệ giữa đối tác và đối tượng.
- D. Tỉ trọng tất cả các ngành trong cơ cấu kinh tế tăng dần theo từng năm.

Câu 12. Lãnh đạo công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay) là

- A. Đảng Lao động Việt Nam.
- B. Mặt trận Liên Việt.
- C. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- D. Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 13. Nhận định nào sau đây là đúng về quan hệ quốc tế trong thời kì Chiến tranh lạnh?

- A. Các nước vừa hợp tác, vừa đấu tranh trong bối cảnh thế giới đầy biến động.
- B. Các quốc gia cùng tồn tại, hợp tác và cạnh tranh theo sự sắp đặt của Liên hợp quốc.
- C. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta là nguồn gốc của cuộc Chiến tranh lạnh.
- D. Liên Xô và Mỹ từ hậu thuẫn đến xung đột quân sự trực tiếp ở Đông Dương.

Câu 14. Năm 2015, các nhà lãnh đạo của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á họp tại Ma-lai-xi-a tuyên bố thành lập

- A. Liên minh châu Âu.
- B. Diễn đàn hợp tác Á – Âu.
- C. Tổ chức Thương mại Thế giới.
- D. Cộng đồng ASEAN.

Câu 15. Năm 1945, quyết định của hội nghị nào sau đây góp phần tạo ra khuôn khổ của trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Hội nghị Ba-li.
- B. Hội nghị I-an-ta.
- C. Hội nghị Pa-ri.
- D. Hội nghị Giơ-ne-vơ.

Câu 16. Trong những năm đầu thế kỉ XX, Phan Bội Châu có hoạt động đối ngoại nào sau đây?

- A. Gửi kiến nghị lên Quốc tế Cộng sản.
- B. Sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa.
- C. Làm chủ bút báo Thanh niên.
- D. Tổ chức phong trào Đông du.

Câu 17. Sự kiện Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (1995) có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Mở đầu cho quá trình hình thành liên minh khu vực.
- B. Hoàn thành quá trình phát triển từ ASEAN 5 lên ASEAN 10.
- C. Thúc đẩy sự phát triển của quá trình liên kết khu vực.
- D. Xóa bỏ được mọi mâu thuẫn giữa các nước Đông Nam Á.

Câu 18. Nội dung nào sau đây là thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam trong giai đoạn 1996 – 2006?

- A. Trở thành cường quốc công nghiệp mới của châu Á.
- B. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
- C. Từng bước đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học.
- D. Trở thành nước có thu nhập cao nhất trong khu vực.

Câu 19. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi (1427) gắn liền với vai trò lãnh đạo của

- A. Bà Triệu. B. Ngô Quyền. C. Hai Bà Trưng. D. Lê Lợi.

Câu 20. Năm 1917, Chính quyền Xô viết được thành lập ở quốc gia nào sau đây?

- A. Hà Lan. B. Thụy Điển. C. Bồ Đào Nha. D. Nga.

Câu 21. Ngày 19 – 12 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*; Tháng 2 – 1951, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng là đánh đuổi đế quốc xâm lược, xóa bỏ tàn tích phong kiến, làm cho người cày có ruộng; Tháng 9 – 1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng chủ trương thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền Nam – Bắc. Những sự kiện trên là minh chứng cho tư tưởng chỉ đạo nào sau đây của Đảng?

- A. Hoàn thành đồng thời khẩu hiệu “Độc lập dân tộc” và “Cách mạng ruộng đất”.
B. Nhiệm vụ dân chủ được gác lại nhằm ưu tiên cho sự nghiệp thống nhất đất nước.
C. Phải tiến hành đồng thời hai cuộc kháng chiến trong một tiến trình cách mạng.
D. Nhiệm vụ dân tộc không tách rời nhiệm vụ dân chủ trong tiến trình cách mạng.

Câu 22. Năm 1975, quân dân Việt Nam giành thắng lợi trong chiến dịch

- A. Hòa Bình. B. Hồ Chí Minh. C. Điện Biên Phủ. D. Việt Bắc.

Câu 23. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô (1991)?

- A. Sự chống phá của chế độ phong kiến Nga hoàng.
B. Sự chống phá của các thế lực thù địch bên ngoài.
C. Do không áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật.
D. Đảng lãnh đạo đã mắc nhiều sai lầm, chậm sửa đổi.

Câu 24. Ở Việt Nam, ngày 19 – 8 – 1945, địa phương nào sau đây giành được chính quyền?

- A. Hải Dương. B. Hà Nội. C. Sài Gòn. D. Huế.

PHẦN II: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng thông tin sau đây:

Thời gian	Nội dung
1970 – 1991	Trật tự thế giới hai cực I-an-ta tiếp tục bị xói mòn và đi đến sụp đổ.
Tháng 12 – 1989	Mỹ và Liên Xô cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.
1990 – 2000	Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sụp đổ; Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành.
	Hiệp định hòa bình về Cam-pu-chia được kí kết; Việt Nam bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc; bình thường hóa và thiết lập quan hệ ngoại giao với Mỹ; gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

- a) Những biến động của quan hệ quốc tế trong những năm 90 của thế kỉ XX đã tác động đến việc hình thành và mở rộng thành viên của ASEAN.
b) Theo bảng thông tin trên, vào những năm 90 của thế kỉ XX, trật tự thế giới mới đang hình thành.
c) Một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc Mỹ và Liên Xô chấm dứt Chiến tranh lạnh là bị suy giảm thế mạnh do chạy đua vũ trang kéo dài.
d) Những thành tựu ngoại giao trong những năm 1990 – 1995 chứng tỏ Việt Nam đã hoàn thành hội nhập quốc tế sâu rộng sau một quá trình phá thế bị bao vây, cô lập.

Câu 2. Cho thông tin, tư liệu sau đây:

Đường lối đổi mới đất nước của Việt Nam (từ năm 1986) có nội dung: “*Bên cạnh việc đổi mới về tư duy kinh tế là đổi mới về chính trị. [...] việc đổi mới về chính trị phải được tiến hành tích cực và vững chắc để không gây mất ổn định về chính trị và làm phương hại đến toàn bộ công cuộc đổi mới. Trong việc đổi mới về chính trị, Đảng phải chú trọng đến các vấn đề như, dân chủ hóa xã hội, “lấy dân làm gốc”, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các đoàn thể quần chúng theo phương châm: “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”*”.

(Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam*, tập 15, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017, tr.38)

- a) Việc thực hiện đổi mới về tư duy kinh tế và đổi mới về chính trị (1986 – nay) đã giải phóng hoàn toàn sức dân, qua đó phát huy được mọi nguồn lực của nhân dân trong nền kinh tế thị trường.
- b) Tư tưởng “*lấy dân làm gốc*” trong đường lối đổi mới của Đảng là sự kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam.
- c) Theo đoạn tư liệu trên, bên cạnh đổi mới về tư duy kinh tế, Đảng coi trọng đổi mới về chính trị.
- d) Những thành tựu đạt được từ công cuộc Đổi mới của Đảng (1986 – nay) tạo cơ sở, vị thế và uy tín, trở thành nền tảng vững chắc để thực hiện khát vọng phát triển đất nước trong kỉ nguyên mới.

Câu 3. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Tháng 1 – 1959, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 đã xác định con đường tiến lên của cách mạng miền Nam, vạch rõ mục tiêu và phương pháp cách mạng ở miền Nam, mối quan hệ giữa hai chiến lược cách mạng ở hai miền Nam, Bắc, [...] nhằm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà,...

[...] Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 đến với đồng bào miền Nam như nắng hạ gặp mưa rào. Nhiều nơi do tình hình quá bức xúc, chỉ mới được nghe truyền đạt sơ qua tinh thần của Nghị quyết, được tin Trung ương cho phép đấu tranh vũ trang (chưa có văn bản chính thức), các đảng bộ đã kịp thời phát động khởi nghĩa”.

(Ban chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975 – Thắng lợi và bài học*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.146-147)

- a) Với Nghị quyết 15, Đảng đã chuyển từ phương châm đấu tranh chính trị là chủ yếu sang phương châm đẩy mạnh đấu tranh chính trị lên song song với đấu tranh vũ trang trên cả ba vùng chiến lược.
- b) Đoạn tư liệu trên ghi nhận: “*giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà,...*” là một nội dung trong Nghị quyết 15 của Đảng Lao động Việt Nam.
- c) Nghị quyết 15 của Đảng đã đáp ứng được nguyện vọng tha thiết của đồng bào miền Nam muốn vùng lên đánh đổ chế độ Mỹ – Diệm.
- d) Trong bối cảnh cách mạng miền Nam gặp khó khăn, Nghị quyết 15 của Đảng là nguyên nhân sâu xa làm bùng nổ phong trào Đồng khởi, mở đầu sự chuyển biến về thế và lực của cách mạng miền Nam.

Câu 4. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, ngoại giao Việt Nam đứng trước một thách thức lớn khi nhiều lực lượng ngoại bang có mặt trên đất nước mà chưa có một quốc gia nào thực sự ủng hộ nhà nước độc lập non trẻ. Từ đó, cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập và thống nhất được tiến hành suốt 30 năm (1945 – 1975). Cùng với những chiến thắng quân sự và thắng lợi chính trị, hoạt động ngoại giao Việt Nam đã ghi đậm dấu ấn sâu sắc qua ba bản hiệp định (Hiệp định Sơ bộ năm 1946, Hiệp định Geneva [Giơ-ne-vơ] năm 1954 và Hiệp định Paris [Pa-ri] năm 1973)”.

(Vũ Dương Ninh, *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam (1940 – 2020)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.416)

- a) Thực tiễn đấu tranh ngoại giao của Việt Nam trong 30 năm (1945 – 1975) đã chứng tỏ đường lối chính trị và đấu tranh ngoại giao đều phục tùng đấu tranh quân sự.
- b) Đoạn tư liệu trên ghi nhận: Từ năm 1945 đến năm 1975, ngoại giao Việt Nam ghi đậm dấu ấn sâu sắc qua ba bản hiệp định: Hiệp định Pôt-xđam, Hiệp định Giơ-ne-vơ và Hiệp định Pa-ri.
- c) Bước phát triển của đấu tranh ngoại giao Việt Nam trong 30 năm (1945 – 1975) xoay quanh những vấn đề cơ bản là chủ quyền quốc gia và thống nhất đất nước.
- d) Các hiệp định được nhắc đến trong đoạn tư liệu trên là kết quả của quá trình đấu tranh ngoại giao gay gắt và đều được kí kết trong thời kì kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.